

Bản án số: 143/2026/HS-ST

Ngày 29/04/2026

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Sướng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chinh, Ông Nguyễn Đăng Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Thiên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 147/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/10/2007 tại tỉnh Bắc Ninh (Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đủ 18 tuổi)

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; nơi cư trú: **Thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh**; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; họ và tên bố: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1968; họ và tên mẹ: **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1977; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: + Tại bản án số 10/2024/HSST ngày 01/03/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh áp dụng biện pháp Giáo dục tại trường giáo dưỡng trong thời gian 12 tháng đối với **T** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Ngày 17/4/2025 **T** chấp hành xong, trở về địa phương (Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi).

+ Tại bản án số 212/2025/HSST ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội xử phạt **T** 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Thời điểm phạm tội **T** đang trong thời gian tự nguyện thi hành án (Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi).

+ Ngày 11/02/2026, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố H** ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam

tại Phân trại **T** Trại tạm giam số 01, Công an tỉnh B. “Có mặt tại phiên tòa”.

- Bị hại: Chị **Vũ Thị Ngọc L**, sinh năm 1984, nơi cư trú: **Thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh** “Có mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1968, nơi cư trú: **Thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh** “Có mặt”.

2. Chị **Nguyễn Thị Thanh T1**, sinh năm 1980, nơi cư trú: **Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Bắc Ninh** “Có đề nghị vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 20 phút ngày 12/11/2025, **Nguyễn Văn T** đi bộ từ nhà ở qua nhà của chị **Vũ Thị Ngọc L** cùng thôn thì phát hiện trong nhà chị **L** không có ai, cổng đang khóa, nên **T** trèo tường phía bên trái cổng rồi nhảy xuống sân đi về phía cửa ngách bằng gỗ bên phải, **T** dùng tay giật mạnh tay nắm cửa ra phía ngoài khiến cánh cửa bị mở bung. **T** sau đó đi lên tầng 2 phát hiện phòng ngủ của chị **L** có 01 tủ quần áo, mở ra bên trong có 01 ngăn kéo tủ bên dưới, khi kéo ra bên trong có 02 hộp nhựa hình tròn màu cam và 01 túi lì xì màu đỏ bên trong có tiền. **T** mở 01 hộp nhựa hình tròn màu cam ra xem thì thấy bên trong có 02 nhẫn tròn màu vàng nên cất toàn bộ tài sản trộm cắp được vào túi quần trước bên phải rồi đi theo lối vào ban đầu để ra ngoài đường.

Sau khi trộm được tài sản, **T** thuê xe ô tô của một người đàn ông không quen biết sang **phường T**, khi trên xe **T** mở túi lì xì ra thì thấy bên trong có 3.800.000 đồng, hộp nhựa màu cam còn lại có 06 chiếc nhẫn vàng và 01 dây chuyền vàng. Đến ngã tư **D**, tiến tiếp tục bắt 01 chiếc taxi tới **cửa hàng V ở tổ dân phố H, phường T, tỉnh Bắc Ninh** gặp chị **Nguyễn Thị Thanh T1** (chủ cửa hàng) bán 01 chiếc nhẫn vàng loại 05 chỉ được số tiền 70.000.000 đồng nhưng lại mua tại cửa hàng chị **T1** 01 chiếc lắc tay vàng với giá 25.000.000 đồng. Sau khi tiêu gần hết số tiền bán vàng, đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, **T** quay lại cửa hàng Thành Lập tiếp tục bán cho chị **T1** 02 chiếc nhẫn vàng loại 01 chỉ được số tiền 28.000.000 đồng. Số tiền này **T** tiếp tục mua 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 17 Promax, giá 33.000.000 đồng, sau đó đến khoảng 9 giờ 30 phút ngày 13/11/2025, **T** quay lại cửa hàng Thành Lập bán tiếp cho chị **T1** 04 chiếc nhẫn vàng loại 01 chỉ được số tiền 54.000.000 đồng, đồng thời mua 01 chiếc khuyên tai bằng vàng với giá 1.000.000 đồng.

Ngày 12/11/2025 chị **Vũ Thị Ngọc L** có đơn trình báo đến **Công an xã L, tỉnh Bắc Ninh** về việc khoảng 11 giờ 30 phút ngày 12/11/2025 chị **L** bị kẻ gian trộm 16,8 chỉ vàng và tiền mặt là 3,8 triệu đồng. Sau khi tiếp nhận trình báo của chị **L**, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh B** đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và tiến hành truy tìm, xác định đối tượng trên cơ sở các biện pháp nghiệp vụ.

Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, khi **T** đang cắt tóc tại khu vực gần **trường**

đại học C ở xã T, thành phố Hà Nội thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt khẩn cấp, thu giữ tiền và tài sản gồm:

+ 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, bên trong có kí hiệu “NGA THAI 99.99 3 CHỈ 24K”; + 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, đựng trong một hộp nhựa hình tròn màu cam.

+ 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng;

+ 01 chiếc khuyên tai bằng kim loại màu vàng;

+ 01 chiếc điện thoại di động Iphone 17 Promax màu cam, số seri H2CV7WW MX97, đã qua sử dụng;

+ Tiền Việt Nam: 46.500.000 đồng;

Sau khi được thông báo tài sản là tang vật vụ án, ngày 13/11/2025 chị Nguyễn Thị Thanh T1 đã khai nhận số vàng mua của T ngày 12/11/2025 chị T1 đã đem chế tác thành sản phẩm khác nên hiện không còn, số còn lại chị T1 tự nguyện giao nộp gồm:

+ 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, bên trong có ký hiệu “THAI NGA 1C N9999”.

+ 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, bên trong có ký hiệu “THAI NGA 1C N9999”.

+ 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, bên trong có ký hiệu “P9999”.

+ 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, bên ngoài khắc hoa văn, bên trong có ký hiệu “P9999”.

Tại bản kết luận giám định số 3447/KL-KTHS ngày 18/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

+ 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, bên trong có ký hiệu “THAI NGA 1C N9999” là kim loại vàng (ký hiệu hóa học Au); Khối lượng: 01 chỉ; hàm lượng vàng 99,97%.

+ 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, bên trong có ký hiệu “THAI NGA 1C N9999” là kim loại vàng (ký hiệu hóa học Au); Khối lượng: 01 chỉ; hàm lượng vàng 98,99%.

+ 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, bên trong có ký hiệu “P9999” là kim loại vàng (ký hiệu hóa học Au); Khối lượng: 0,8 chỉ; hàm lượng vàng 98,99%.

+ 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, bên trong có ký hiệu “P9999” là kim loại vàng (ký hiệu hóa học Au); Khối lượng: 01 chỉ; hàm lượng vàng 98,73%.

+ 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, bên trong có kí hiệu “NGA THAI 99.99 3 CHỈ 24K là kim loại vàng (ký hiệu hóa học Au); Khối lượng: 03 chỉ; hàm lượng vàng 99,89%.

+ 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, là kim loại vàng (ký hiệu hóa học Au); Khối lượng: 03 chỉ; hàm lượng vàng 99,84%.

+ 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng, là kim loại vàng (ký hiệu hóa học Au); Khối lượng 3, 78 chỉ; hàm lượng vàng 44,57%

+ 01 chiếc khuyên tai bằng kim loại màu vàng, là kim loại vàng (ký hiệu hóa học Au); Khối lượng: 0,16 chỉ; hàm lượng vàng 44,37%”.

Tại bản kết luận định giá số 03/KL-HĐĐGTS ngày 20/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản UBND xã L kết luận: Tài sản thu giữ được gồm: 05 nhẫn vàng có khối lượng 6,8 chỉ (hàm lượng từ 97,97 đến 99,97%) có giá trị 97.240.000 đồng, 01 dây chuyền vàng có khối lượng 03 chỉ (hàm lượng vàng 99,84%) có giá trị 42.750.000 đồng.

Tài sản không thu giữ được gồm: 01 nhẫn vàng 05 chỉ có giá trị 71.500.000 đồng; 02 nhẫn vàng có khối lượng 02 chỉ có giá trị 28.600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là 240.090.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 130/CT-VKSND-KV9 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã mô tả, do không có tiền tiêu xài, lại thấy nhà chị Vũ Thị Ngọc L là bị hại có sơ hở nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 16,8 chỉ vàng trị giá 240.090.000 đồng và số tiền 3.800.000 đồng của chị L vào ngày 12/11/2025.

Bị cáo xác định hành vi trộm cắp tài sản của chị L là vi phạm pháp luật. Viện kiểm sát khu vực 9 - Bắc Ninh truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản như cáo trạng là chính xác, không oan sai gì.

Tại phiên tòa, bị hại là chị Vũ Thị Ngọc L xác định bố đẻ bị cáo T là ông Nguyễn Văn H đã tự nguyện bồi thường cho chị L số tiền 17.000.000 đồng, chị L đã nhận số tiền trên và có xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời chị L yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho chị L số tiền còn lại là: 30.000.000 đồng thay vì nhận lại chiếc điện thoại Iphone 17 promax màu cam.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H là bố đẻ của bị cáo T không yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho ông H số tiền 17.000.000 đồng mà ông H đứng ra bồi thường cho bị hại là chị Vũ Thị Ngọc L.

Chị Nguyễn Thị Thanh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và xác định gia đình bị cáo T đã bồi thường cho chị T1 số tiền 28.000.000 đồng. Chị T1 không đề nghị nhận lại chiếc lắc tay và bông tai vàng để trừ số tiền 26.000.000 đồng nữa mà trực tiếp yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho chị T1 số tiền còn lại là 26.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo Cáo trạng số 130/CT-VKSND-KV9 ngày 09/04/2026. Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **T** từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, tổng hợp hình phạt của bản án số 212/2025/HSST ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành tổng hình phạt của cả 02 bản án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2025 là ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

- Trả lại cho bị cáo **Nguyễn Văn T** 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 17 promax màu cam nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo **Nguyễn Văn T** 01 lắc đeo tay bằng kim loại vàng; 01 chiếc khuyên tai bằng kim loại vàng nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự;

- Buộc bị cáo **T** phải bồi thường cho chị **Vũ Thị Ngọc L** số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*)

- Buộc bị cáo **T** phải bồi thường cho chị **Nguyễn Thị Thanh T1** số tiền 26.000.000 đồng (*hai mươi sáu triệu đồng*).

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Sau khi nghe luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh, bị cáo không tranh luận gì về tội danh và khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo.

Khi được nói lời sau cùng bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra cũng như truy tố, điều tra viên, kiểm sát viên đã tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị **Nguyễn Thị Thanh T1** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị **T1** đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và cùng đã có quan điểm rõ ràng về vấn đề yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự. Xét thấy sự vắng mặt của chị **T1** không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **T1**.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các vật chứng thu giữ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 40 phút ngày 12/11/2025 tại nhà ở của chị **Vũ Thị Ngọc L** ở **thôn N, xã L, tỉnh**

Bắc Ninh, Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp 16,8 chỉ vàng trị giá 240.090.000 đồng và số tiền 3.800.000 đồng tại tủ quần áo tầng 2 nhà chị L. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo T đã trộm cắp là 243.890.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 BLHS là hoàn toàn đúng người đúng tội đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Gây ra tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân tại địa phương. Hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị cáo là rất nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng sơ hở khi chủ tài sản không có mặt ở nhà, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với giá trị lớn. Bị cáo đã nhiều lần bị xử lý về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp. Thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị L, bị cáo đang trong thời gian tự nguyện chấp hành án đối với bản án số 212/2025/HSST ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội xử phạt bị cáo về tội “trộm cắp tài sản” nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, do đó có thể thấy bị cáo là đối tượng khó giáo dục, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần có một bản án nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo nhiều lần bị xử lý về hành vi “trộm cắp tài sản” nên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã thay bị cáo bồi thường, khắc phục phần lớn hậu quả; bị hại là chị Vũ Thị Ngọc L có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ông ngoại của bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Bị cáo là người có nhân thân xấu, từng 02 lần bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp có giá trị lớn, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo thuộc khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự với khung hình phạt là từ 07 đến 15 năm tù nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn là hình phạt chính đối với bị cáo. Do khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị L, bị cáo đang phải chấp hành bản án số 212/2025/HSST ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội nhưng chưa chấp hành nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt của hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo với tài sản của chị L, sau đó tổng hợp phần hình phạt chưa chấp hành của bản án số 212/2025/HSST ngày 04/11/2025 để quyết định

hình phạt chung của 02 bản án đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người không có công việc, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, việc bồi thường thiệt hại cho chị **L** cũng là bổ của bị cáo ông **Nguyễn Văn H** đứng ra bồi thường nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là chị **Vũ Thị Ngọc L** tại phiên tòa có yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị **L** số tiền 30.000.000 đồng bị thiệt hại do hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo **T** gây ra nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị **L** số tiền trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Văn H** là bố đẻ của bị cáo **T** tự nguyện thay bị cáo bồi thường cho chị **L** số tiền là 17.000.000 đồng, ông **H** không yêu cầu bị cáo **T** phải trả lại cho ông **H** số tiền trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Thị Thanh T1** yêu cầu bị cáo **T** phải bồi thường cho chị số tiền 26.000.000 đồng là số tiền chị **T1** bị thiệt hại còn lại nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị **T1** số tiền trên.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với số vàng có khối lượng 9,8 chỉ và số tiền 46.500.000 đồng; đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị **Vũ Thị Ngọc L** nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị **L** là phù hợp.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 17 promax màu cam ;01 lắc đeo tay bằng kim loại vàng; 01 chiếc khuyên tai bằng kim loại vàng là tài sản của bị cáo **T** không liên quan đến việc trộm cắp nên trả lại cho bị cáo **T**, tuy nhiên cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[9] Về các vấn đề liên quan: Đối với chị **Nguyễn Thị Thanh T1** khi bị cáo **T** đến bán số vàng trộm cắp thì **T** nói dối là vàng của **T**, không cho chị **T1** biết là vàng trộm cắp mà có, vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với chị **T1** là phù hợp.

Đối với anh **Nguyễn Thành L1** (chồng chị **T1** và là người đứng tên **tiệm V1**), anh **L1** khi được chị **T1** giao 03 nhẫn vàng vừa mua của **T** để gia công thì anh **L1** không biết số vàng trên do **T** trộm cắp mà có, anh **L1** có đầy đủ giấy phép kinh doanh và chứng chỉ gia công trang sức vàng theo quy định, vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh **L1** là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 56, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 329, Điều

331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 08** (tám) năm tù, tổng hợp phần hình phạt chưa chấp hành của bị cáo đối với bản án số 212/2025/HSST ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là: **08** năm **06** tháng (tám năm sáu tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2025 là ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm thi hành án.

2. Xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo **Nguyễn Văn T**: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 17 promax màu cam; 01 lắc đeo tay bằng kim loại vàng; 01 chiếc khuyên tai bằng kim loại vàng nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

3. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **T** phải bồi thường cho bị hại là chị **Vũ Thị Ngọc L** số tiền: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); buộc bị cáo **T** phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị **Nguyễn Thị Thanh T1** số tiền: 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Chinh Nguyễn Đăng Dũng

Nguyễn Xuân Sương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 9 – Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 – CA tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tam giam số 01, CA tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo, những NTGTT khác;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Sướng